

Bản án số: **08/2022/DS-ST**

Ngày: 29- 3- 2022

V/v: “*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ
tài sản do người chết để lại*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lưu Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Quang Nghĩa**

2. Bà **Đỗ Thị Thu Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hạ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân
Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Kim Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 17/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm
công khai vụ án thụ lý số: 113/2020/TLST-DS ngày 18/6/2020 về việc “*Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định tạm ngừng phiên tòa số 133/2021/QĐST - DS
ngày 17/6/2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 50/2022/TB- TA ngày 25/02/2022;
Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐST-DS ngày 15/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm: 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện XL, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1952 (Vắng)

Ông **Trần Đức Hạnh**, sinh năm: 1947 (Vắng)

Cùng địa chỉ: khu phố 1, thị trấn T, huyện XL, tỉnh Đ

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị **Bùi Thị Hà A**, sinh năm: 1988 (Vắng)

Địa chỉ: khu 1, thị trấn T, huyện XL, tỉnh Đ

- Người làm chứng:

Anh **Nguyễn Hà V**, sinh năm: 1984 (Vắng)

Địa chỉ: khu 2, thị trấn T, huyện XL, tỉnh Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:** Vào ngày 29/8/2018 bà có cho anh Trần Mạnh H vay số tiền 40.000.000 đồng, với lãi suất là 3%/ tháng, thời hạn thanh toán đến ngày 29/9/2018. Khi vay bà có giữ của anh Trần Mạnh H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 115084 do anh Trần Mạnh H đứng tên chủ sử dụng để làm tin. Hai bên có lập giấy biên nhận cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề ngày 29/8/2018, nhưng thực tế đây là hợp đồng vay tiền giữa bà và anh H. Đến ngày thanh toán nợ, bà có yêu cầu anh H trả nợ, nhưng anh H xin ra hạn thêm đến ngày 29/10/2018 sẽ thanh toán. Tuy nhiên đến nay anh H mới chỉ trả cho bà được 02 tháng tiền lãi là 2.400.000 đồng. Đến ngày 18/4/2020 anh H chết, nên bà kiện cha mẹ anh H là ông Trần Đức Hạnh và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh H số tiền còn nợ bà là 40.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả từ ngày 29/11/2018 đến ngày xét xử, với mức lãi là 1.6%/ tháng.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị V chỉ yêu cầu ông Trần Đức Hạnh, bà Nguyễn Thị T trả cho bà số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng, bà không yêu cầu tiền lãi chậm trả, tiền lãi trong giai đoạn thi hành án.

*** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Đức Hạnh trình bày:** Anh Trần Mạnh H là con ruột của ông, hiện nay anh H đã chết và không để lại di chúc. Sự việc anh H có vay tiền của bà Nguyễn Thị V cụ thể như thế nào thì ông không biết. Sau khi anh H chết thì bạn của anh H là anh Nguyễn Hà V có nói cho ông biết anh H có cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị V để vay số tiền 40.000.000 đồng. Quá trình vay anh H có trả nhiều lần tiền lãi cho bà V, cụ thể tiền lãi như thế nào thì ông không biết. Bà Nguyễn Thị V khởi kiện yêu cầu ông và vợ ông là bà Nguyễn Thị T trả số tiền nợ của anh H là 40.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 29/11/2018 đến nay, với mức lãi là 1.6%/ tháng cho đến ngày xét xử sơ thẩm, ông không đồng ý vì anh H đã có gia đình và đã ra ở riêng, hơn nữa vợ chồng ông bà đã già yếu lại phải nuôi con của anh H và không có thu nhập, ông bà không có nghĩa vụ trả nợ thay cho anh H. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 115084 do anh Trần Mạnh H đứng tên chủ sử dụng ông không có yêu cầu nhận lại giấy trên.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị T:** Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, Giấy triệu tập; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc giao nộp chứng cứ có liên quan đến tranh chấp, nhưng bà Thọ không có quan điểm trình bày về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V và không nộp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

*** Quá trình giải quyết vụ án Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Hà A trình bày:** Chị và anh Trần Mạnh H là vợ chồng. Chị không biết việc anh Trần Mạnh H vay tiền bà Nguyễn Thị V cụ thể như thế nào. Sau này chị thấy máy điện thoại của anh H nhiều tin nhắn, chị mới hỏi thì anh H nói “*Có mấy triệu mà bà này đòi hoài*”. Đến khi anh H chết thì bà V mới điện thoại yêu cầu chị đưa chứng minh nhân dân và cung cấp họ tên của chị để bà V khởi kiện thì chị mới biết anh H đi cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay bà V số tiền 40.000.000 đồng. Anh H chết không để lại di chúc. Đây là nợ riêng của anh H, anh H vay tiền làm gì chị không

biết. Chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V, chị không biết khoản vay này của anh H nên không đồng ý trả nợ cho bà V. Chị không có yêu cầu gì đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 115084 do anh Trần Mạnh H đứng tên chủ sử dụng.

*** Quá trình giải quyết vụ án người làm chứng anh Nguyễn Hà V trình bày:** Trước đây anh có nghe anh Trần Mạnh H tâm sự, khoảng hơn một năm trước anh H có đưa cho bà Nguyễn Thị V giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 115084 do anh Trần Mạnh H đứng tên chủ sử dụng để vay số tiền 40.000.000 đồng, và đã đóng lãi cho bà V hàng tháng là 2.000.000 đồng/ tháng cho đến tháng 01 năm 2020 thì ngưng không đóng tiền lãi. Anh chỉ nghe anh H kể lại như vậy, anh không chứng kiến việc anh H trả tiền cho bà V. Anh chỉ biết hiện nay anh H còn nợ bà Nguyễn Thị V số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng. Ngoài ra anh không biết sự việc gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- **Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:** Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền thụ lý vụ án, tư cách những người tham gia tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát, người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng mẫu quy định; Thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định; Việc xác minh thu thập chứng cứ thẩm phán thực hiện cơ bản đầy đủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng** các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- **Về nội dung vụ án:** Bà Nguyễn Thị V cho rằng anh Trần Mạnh H có đến cửa hàng Dịch vụ cầm đồ cây số 2 của bà V cầm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 160 tờ bản đồ số 6 thị trấn Gia Ray, số cấp sổ BP 115084 ngày 14/10/2013 để vay số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng ngày 29/8/2018 đến nay, để chứng minh cho lời trình bày của mình bà V cung cấp 01 biên nhận bà V viết giao cho anh H, giấy ghi ngày 29/8/2018 nội dung (*nhận của anh Trần Mạnh H giấy chủ quyền, số tiền cầm 40 triệu đồng*), có chữ ký của anh H (Bút lục số 65); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 160 tờ bản đồ số 6 thị trấn Gia Ray, số cấp sổ BP 115084 ngày 14/10/2013 (Bút lục số 15, 16). Bị đơn ông Trần Đức Hạnh thừa nhận là ông biết việc anh H cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay của bà V số tiền 40.000.000 đồng. Chữ ký chữ viết trên biên nhận cầm đồ bà V cũng cấp là của anh H (bút lục số 27). Và theo lời khai người làm chứng anh Nguyễn Hà V xác định thì anh Vũ nghe anh H kể là anh H có cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà V để vay số tiền 40.000.000 đồng (bút lục số 40). Do đó, đủ cơ sở để xác định anh H có cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà V để vay số tiền 40.000.000 đồng là có thật.

Theo trích lục khai tử số 258/TLKT-BS ngày 17/6/2020 theo giấy khai sinh số 25 được UBND thị trấn Gia Ray cấp ngày 28/4/2020 xác định anh Trần Mạnh H chết ngày 18/4/2020 (Bút lục số 21). Theo quy định tại Điều 611 và Điều 614 Bộ luật Dân sự năm 2015, kể từ thời điểm mở thừa kế (ngày 18/4/2020), những người thừa kế của anh Trần Mạnh H có các quyền, nghĩa vụ tài sản. Nhưng tại biên bản ghi lời khai đề ngày 31/7/2020 của ông Trần Đức Hạnh (Bút lục số 30); bản tự khai ngày 05/8/2020 của chị Bùi Thị Hà A (Bút lục số 38) đều khai sau khi anh Trần Mạnh H chết thì tài

sản của anh H để lại không còn gì. Tuy nhiên, theo công văn số 247/VPĐK.XL-TTLT ngày 05/10/2020 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai chi nhánh huyện Xuân Lộc về việc cung cấp thông tin đất đai: “..... Ngoài thửa đất số 160 tờ bản đồ 06 thị trấn Gia Ray, anh Trần Mạnh H được cấp giấy chứng nhận các thửa đất sau: ... Thửa đất số 222; tờ bản đồ 06; diện tích 512.7m², BĐDC thị trấn Gia Ray được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai ký cấp giấy chứng nhận số CQ 680723, ngày 18/01/2019. Hiện nay, ông H chưa thực hiện đăng ký biến động QSDĐ đối với thửa đất trên” (Bút lục số 43). Tại công văn số 06/VPĐK-XL-TTLT ngày 10/01/2022 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai chi nhánh huyện Xuân Lộc về việc cung cấp thông tin đất đai thể hiện: thửa đất số 222 tờ bản đồ số 06 thị trấn Gia Ray đã được cấp giấy chứng nhận cho ông Trần Mạnh H, năm sinh 1984, CMND số 271670890, số phát hành CQ680723 cấp ngày 28/01/2019 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp, hiện nay thửa đất trên chưa làm thủ tục thừa kế hoặc sang nhượng cho ai. Do đó, việc ông Hạnh, bà Thọ, chị An cho rằng khi chết anh H không để lại tài sản gì là không có căn cứ.

Đồng thời, tại biên bản xác minh ngày 01/4/2021 (bút lục số 45) thì: cha mẹ đẻ của anh Trần Mạnh H là ông Trần Đức Hạnh, bà Nguyễn Thị T; anh H chỉ có 01 người vợ là chị Bùi Thị Thu An, có 01 con chung là Trần Hoàng Gia Bảo sinh năm 2005; ngoài ra anh H không có cha mẹ nuôi, con nuôi hay con riêng nào khác. Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của anh H gồm có các ông bà: Trần Đức Hạnh, bà Nguyễn Thị T, chị Bùi Thị Hà A, cháu Trần Hoàng Gia Bảo, sinh năm 2015. Do cháu Trần Hoàng Gia Bảo, sinh năm 2015 còn nhỏ nên theo quy định tại khoản 1 Điều 136 Bộ luật dân sự năm 2015 thì chị Bùi Thị Hà A là người đại diện theo pháp luật của cháu Bảo và thực hiện mọi giao dịch liên quan đến người được đại diện.

Từ những tài liệu, chứng cứ và phân tích nêu trên, thấy có đủ cơ sở để xác định anh Trần Mạnh H chết có để lại di sản và di sản này chưa được chia. Như vậy, khi khoản nợ của anh H đến hạn (ngày 29/9/2018) nhưng ông Trần Đức Hạnh, bà Nguyễn Thị T, chị Bùi Thị Hà A, cháu Trần Hoàng Gia Bảo (là người thừa kế quyền, nghĩa vụ đối với tài sản do anh H để lại) đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà V, là xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của bà V. Do đó, yêu cầu của bà V về việc buộc các đồng thừa kế của anh H có trách nhiệm trả nợ với tổng số tiền là 40.000.000 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 115084 do anh Trần Mạnh H đứng tên chủ sử dụng hiện nay bà V đang giữ, mặc dù ông Hạnh và chị An không có yêu cầu gì. Tuy nhiên việc giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là trái quy định pháp luật nên buộc bà V phải trả lại giấy chứng nhận QSD đất nêu trên cho ông Hạnh, bà Thọ và chị An là phù hợp.

*** Về lãi suất:** trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị V yêu cầu tính lãi từ ngày 29/11/2018 cho đến ngày xét xử vụ án theo lãi suất là 1.6%/ tháng và lãi trong giai đoạn thi hành án. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà V không yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền anh H đã vay và tiền lãi trong giai đoạn thi hành án nên không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 2.400.000 đồng anh H đã trả lãi, phía bị đơn không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Áp dụng các Điều 136, 463, 466, 468, 615, 617, 618, 623, 651, 658 Bộ luật

dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V.

Buộc những người thừa kế của anh Trần Mạnh H là: ông Trần Đức Hạnh, bà Nguyễn Thị T, chị Bùi Thị Hà A, cháu Trần Hoàng Gia Bảo, sinh năm 2015 còn nhỏ do chị Bùi Thị Hà A là người đại diện theo pháp luật của cháu Bảo thực hiện có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị V số tiền 40.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị T, chị Bùi Thị Hà A, ông Trần Đức Hạnh đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bà Thọ, ông Hạnh, chị An vắng mặt. Do đó, xét xử vắng mặt bà Thọ, chị An, ông Hạnh phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị V cho rằng anh Trần Mạnh H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay. Tuy nhiên hiện nay anh H đã chết, do đó bà làm đơn khởi kiện những người thừa kế của anh H để thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại. Do đó bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc cha mẹ ruột của anh H là ông Trần Đức Hạnh và bà Nguyễn Thị T thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Như vậy, quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại*” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015. Quan hệ pháp luật này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Đức Hạnh có đăng ký thường trú tại khu 1, thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách đương sự tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị V khởi kiện bà Nguyễn Thị T và ông Trần Đức Hạnh tại Tòa án, do đó bà V là nguyên đơn, bà Thọ, ông Hạnh là bị đơn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Bùi Thị Hà A là vợ của anh H. Nên xác định chị Bùi Thị Hà A là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Hà V là bạn của anh Trần Mạnh H và biết rõ các tình tiết của vụ án, Do đó xác định anh H là người làm chứng theo quy định tại Điều 77 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Vào 29/8/2018, bà Nguyễn Thị V cho anh Trần Mạnh H vay số tiền 40.000.000 đồng hai bên thỏa thuận thời hạn thanh toán nợ đến ngày 29/8/2018. Đến ngày thanh toán nợ, anh H xin ra hạn thêm đến ngày 29/10/2018 sẽ thanh toán. Ngày 17/6/2020, bà Nguyễn Thị V nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự 2015.

[5] Về hợp đồng vay tài sản: Xét lời trình bày của các đương sự thì thấy: Bà Nguyễn Thị V yêu cầu cha mẹ ruột anh H là ông Trần Đức Hạnh và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh H số tiền còn nợ bà là 40.000.000 đồng tiền nợ gốc.

Quá trình giải quyết vụ án bà V cung cấp giấy Biên nhận nợ ngày 29/8/2018 của anh H đối với số tiền 40.000.000 đồng để chứng minh cho yêu cầu của mình. Ông Hạnh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà V, ông không đồng ý trả số tiền nợ trên vì anh H đã có gia đình và đã ra ở riêng, hơn nữa vợ chồng ông bà đã già yếu lại phải nuôi con của anh H và không có thu nhập, ông bà không có nghĩa vụ trả nợ thay cho anh H. Tuy nhiên ông cũng thừa nhận Sau khi anh H chết thì bạn của anh H là anh Nguyễn Hà V có nói cho ông biết anh H có cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị V để vay số tiền 40.000.000 đồng. Quá trình vay anh H có trả nhiều lần tiền lãi cho bà V, cụ thể tiền lãi như thế nào thì ông không biết. Ngoài ra chị Bùi Thị Hà A là vợ anh H cũng thừa nhận có biết việc anh H vay tiền của bà V nhưng không biết vay cụ thể như thế nào. Hơn nữa người làm chứng là anh Nguyễn Hà V là bạn của anh H cũng khẳng định có biết sự việc anh H vay bà V số tiền 40.000.000 đồng và có đưa cho bà V giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, lời trình bày của bà V về việc anh H có vay bà số tiền 40.000.000 là có cơ sở.

[6] Về tiền lãi suất: Tại phiên tòa bà V không yêu cầu tính lãi chậm trả và tiền lãi trong giai đoạn thi hành án nên đình chỉ yêu cầu tính lãi.

Đối với số tiền 2.400.000 đồng anh H đã trả lãi, phía ông Hạnh, bà Thọ và chị An không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[7] Về nghĩa vụ trả nợ: Ngày 18/4/2020 Anh H đã chết. Tại Biên bản xác minh tại Công an thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai được biết anh Trần Mạnh H có cha ruột là ông Trần Đức Hạnh, mẹ ruột là bà Nguyễn Thị T, vợ là chị Bùi Thị Hà A, có con là cháu Trần Hoàng Gia Bảo ngoài ra không có cha mẹ nuôi, con nuôi, con riêng. Do đó xác định ông Hạnh, bà Thọ, chị An, và cháu Trần Hoàng Gia Bảo là những người thừa kế của anh H. Xét thấy, tại công văn 347/VPĐk – XL- TTLT ngày 05/10/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai, chi nhánh huyện Xuân Lộc cung cấp thông tin đất đai được biết ngoài các thửa đất anh Trần Mạnh H đã sang nhượng, hiện nay còn có thửa đất số 222 tờ bản đồ 06, diện tích 512.7m² BĐDC thị trấn Gia Ray được sở tài nguyên môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận số CQ 680723 ngày 18/01/2019, hiện nay ông H chưa thực hiện đăng ký biến động QSDĐ đối với thửa đất trên. Tại Công văn số 06/VPĐK.XL.TTLT của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai, chi nhánh huyện Xuân Lộc ngày 10/01/2022 cung cấp thông tin thửa đất số 222 tờ bản đồ 06 thị trấn Gia Ray hiện nay chưa làm thủ tục thừa kế hoặc sang nhượng cho ai. Ngoài ra tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/01/2022 Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất 222 tờ bản đồ 06 thị trấn Gia Ray, hiện trạng có cây trồng trên đất là chuối, xà cừ và Điều, thửa đất trên do gia đình anh Trần Mạnh H vẫn đang quản lý sử dụng. Như vậy anh H chết, ông Trần Đức Hạnh, bà Nguyễn Thị T, chị Bùi Thị Hà A và cháu Trần Hoàng Gia Bảo là người thừa kế di sản do anh H để lại. Theo quy định tại khoản 1 Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “ *Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Như vậy ông Trần Đức Hạnh, bà Nguyễn Thị T và chị Bùi Thị Hà A và cháu Trần Hoàng Gia Bảo phải chịu trách nhiệm trả khoản vay của anh Trần Mạnh H cho bà Nguyễn Thị V số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng.

Phân chia nghĩa vụ trả nợ cho ông Hạnh, bà Thọ, chị An, cháu Bảo mỗi người phải trả số tiền 10.000.000 đồng.

Do cháu Trần Hoàng Gia Bảo, sinh năm 2015 còn nhỏ, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 136 Bộ luật dân sự năm 2015 thì chị Bùi Thị Hà A là đại diện theo pháp luật của cháu Gia Bảo phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cháu Bảo.

[7] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của bà V được chấp nhận nên Buộc ông Hạnh, bà Thọ, chị An phải chịu các khoản chi phí tố tụng bao gồm tiền chi phí trích lục hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 455.000 đồng, tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng.

[8] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 115084 do anh Trần Mạnh H đứng tên chủ sử dụng hiện nay bà V đang giữ, mặc dù ông Hạnh và chị An không có yêu cầu gì. Tuy nhiên việc giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là trái quy định pháp luật nên buộc bà V phải trả lại giấy chứng nhận QSD đất nêu trên cho ông Hạnh, bà Thọ và chị An là phù hợp.

[9] Xét ý kiến của Đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên, nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Do yêu cầu của bà V được chấp nhận, Buộc ông Trần Đức Hạnh phải nộp 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bà Nguyễn Thị T phải nộp 500.000 đồng án phí dân sự. Buộc chị Bùi Thị Hà A phải nộp 1.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 615, Điều 617, Điều 618, Điều 623, Điều 651, Điều 658, khoản 1 Điều 136, Điều 21 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V đối với nghĩa vụ trả số tiền 40.000.000 đồng nợ gốc, cụ thể như sau:

Buộc ông Trần Đức Hạnh trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền **10.000.000** đồng (*Mười triệu đồng*).

Buộc Nguyễn Thị T trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền **10.000.000** đồng (*Mười triệu đồng*).

Buộc chị Bùi Thị Hà A trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền **20.000.000** đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện, đối với yêu cầu tính lãi chậm trả.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Trần Đức Hạnh Hạnh, bà Phạm Thị Thọ, chị Bùi Thị Hà A phải trả cho bà Nguyễn Thị V các khoản chi phí tố tụng là **2.455.000** đồng (*Hai triệu bốn trăm năm mươi lăm ngàn đồng*)

4. Buộc bà Nguyễn Thị V phải trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 115084 do anh Trần Mạnh H đứng tên chủ sử dụng cho ông Trần Đức Hạnh, bà Nguyễn Thị T và chị Bùi Thị Hà A.

5. Về án phí: Buộc ông Trần Đức Hạnh phải nộp 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bà Nguyễn Thị T phải nộp 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Buộc chị Bùi Thị Hà A phải nộp 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền **1.272.000 đồng (Một triệu hai trăm bảy mươi hai ngàn đồng)** tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0009338 ngày 17/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lưu Ly